

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **7073**/UBND-KT

Bình Định, ngày **26** tháng 12 năm 2017

V/v tổ chức sơ kết 02 năm thực
hiện công tác đào tạo nghề nông
nghiệp cho lao động nông thôn
theo Quyết định số 971/QĐ-TTg

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và PTNT

Thực hiện Văn bản số 10478/BNN-KTHT ngày 18/12/2017 về việc sơ kết 02 năm thực hiện công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn theo Quyết định số 971/QĐ-TTg (có văn bản photo đính kèm); Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng nội dung sơ kết 02 năm thực hiện công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn theo Quyết định số 971/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh theo đề cương đính kèm Văn bản nêu trên, báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND tỉnh đúng thời gian quy định.

Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT triển khai thực hiện. /

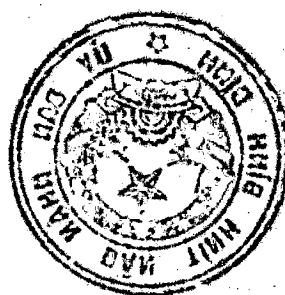
Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT Trần Châu;
- PVP NN;
- TT Tin học;
- Lưu: VT, K10 (6b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Châu



**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10478/BNN-KTHT

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2017

V/v sơ kết 02 năm thực hiện công tác đào tạo
nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn

theo Quyết định số 971/QĐ-TTg

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG

Số: 17145

ĐẾN Ngày 22.12.17 Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Chuyên: 1510

Lưu Hồ Sơ Sở 1510 Để chuẩn bị cho hội nghị toàn quốc sơ kết 02 năm (2016-2017) về đào tạo
nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn theo Quyết định số 971/QĐ-TTg ngày
01/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ (dự kiến tổ chức vào Quý 1, năm 2018), Bộ
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố
trực thuộc Trung ương tổ chức sơ kết 02 đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động
nông thôn ở địa phương (theo đề cương gửi kèm).

Báo cáo kết quả sơ kết xin gửi về Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông
trước ngày 30/12/2017, theo địa chỉ số 2 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội và gửi qua
mail: Loantt.ptnt@mard.gov.vn. Điện thoại liên hệ 024.38437519, 0913136268
(Mrs Loan)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Nguyễn Xuân Cường (để b/c);
- Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh/TP;
- Ban Chỉ đạo đào tạo nghề của Bộ;
- Lưu: VT, KTHT (150b).



**BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**

Trần Thanh Nam
Trần Thanh Nam

ĐỀ CƯƠNG HƯỚNG DẪN SƠ KẾT 02 NĂM (2016 -2017)

Đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn

(Kèm theo Công văn số 10478 /BNN- KTHT ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)



1. Mục đích:

Đánh giá kết quả công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn theo Quyết định số 971/QĐ-TTg ngày 01/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ và chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để rút ra bài học kinh nghiệm, những kết quả làm được, những khó khăn, tồn tại.

Tuyên truyền nâng cao nhận thức của các ngành, các cấp về đổi mới từ duy theo hướng tập trung đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động làm trong các doanh nghiệp, lao động tham gia liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm, lao động làm trong các vùng sản xuất hàng hóa lớn, lao động sản xuất công nghệ cao và đào tạo để an sinh xã hội nông thôn.

2. Nội dung sơ kết

a) Đánh giá công tác, chỉ đạo triển khai tổ chức thực hiện ở địa phương

- Việc ban hành cơ chế chính sách của địa phương về đào tạo nghề nông nghiệp;

- Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy và chính quyền các cấp địa phương về đào tạo nghề nông nghiệp.

- Phân công phối hợp giữa các Sở, ban, ngành về đào tạo nghề nông nghiệp.

b) Đánh giá kết quả hỗ trợ đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn (từ nguồn ngân sách nhà nước).

- Kết quả hỗ trợ đào tạo nghề 02 năm (2016-2017), so sánh việc thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt.

Trong đó:

- + Lao động thực hiện các Chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp, thành viên hợp tác xã và lao động liên kết sản xuất với doanh nghiệp.

- + Lao động làm trong các trang trại, sản xuất công nghệ cao.

- + Đào tạo để an sinh xã hội nông thôn.

- Tổng số lao động nông thôn học nghề xong đã học xong, số lao động nông thôn có việc làm sau học nghề (chi tiết theo từng đối tượng). So sánh việc thực hiện kế hoạch năm 2017 với kết quả của năm 2016.

- Tổng số lao động nông thôn học nghề đã học xong, số lao động nông thôn có việc làm sau học nghề (chi tiết theo từng đối tượng). So sánh việc thực hiện kế hoạch năm 2017 với kết quả của năm 2016, ... %.

(Chi tiết tại biểu 1)

c) Kết quả đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn do các doanh nghiệp, hiệp hội, Tổng công ty thực hiện (nguồn kinh phí xã hội hóa)

- Số đơn vị đã đào tạo; hình thức tổ chức đào tạo.

- Thống kê số lượng lao động nông thôn được các doanh nghiệp, Hiệp hội, Tổng công ty đào tạo nghề nông nghiệp bằng nguồn kinh phí xã hội hóa.

- Các ngành nghề đào tạo.

(Chi tiết tại biểu 2)

d) Kết quả thực hiện đào tạo nghề nông nghiệp, tập huấn kỹ thuật cho lao động nông thôn do Trung tâm Khuyến nông cấp tỉnh thực hiện.

Thống kê số lượng lao động nông thôn được đào tạo nghề nông nghiệp, tập huấn kỹ thuật do Trung tâm Khuyến nông cấp tỉnh thực hiện.

đ) Công tác tổ chức thực hiện, hình thức mở lớp đào tạo nghề nông nghiệp

- Đánh giá công tác lựa chọn đối tượng học viên; hình thức mở lớp, đánh giá hiệu quả sau đào tạo.

- Việc lồng ghép đào tạo nghề nông nghiệp vào các dự án khuyến nông, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất tái cơ cấu ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới.

- Đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động tham gia các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, có liên kết sản xuất với doanh nghiệp.

e) Các mô hình đào tạo nghề có hiệu quả cho lao động nông thôn theo từng nhóm nghề ở địa phương.

- Nêu các mô hình, điển hình về dạy nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn có hiệu quả (số lượng người được học nghề theo từng mô hình, tỷ lệ có việc làm và mức thu nhập hàng tháng), trong đó, phân tích các yêu cầu, điều kiện để triển khai nhân rộng các mô hình dạy nghề có hiệu quả trên địa bàn tỉnh.

- Một số điển hình trong công tác học nghề và tạo việc làm cho lao động nông thôn (*họ tên người học, địa chỉ nghề đào tạo, nơi làm việc, thu nhập, những chuyển biến sau khi học nghề hoặc tạo việc làm cho nhiều lao động khác*)

(Chi tiết tại biểu 3)

g) Hoạt động tuyên truyền; tư vấn học nghề và việc làm đối với lao động nông thôn

- Tuyên truyền chính sách đào tạo nghề và tư vấn học nghề, việc làm gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới ở địa phương.

- Trên các phương tiện thông tin đại chúng (sử dụng hệ thống truyền thanh của huyện, xã; xây dựng các chương trình, phóng sự về các mô hình đào tạo có hiệu quả để tuyên truyền nhân rộng).

- Đánh giá kết quả triển khai hoạt động tuyên truyền.

h) Hoạt động phát triển chương trình, giáo trình, học liệu dạy nghề; xây dựng và phê duyệt danh mục nghề đào tạo, định mức chi phí đào tạo nghề

- Việc ban hành danh mục và định mức nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn theo Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg và Thông tư số 152/2016/TT-BTC (gửi kèm theo Quyết định).

- Số chương trình, giáo trình nghề nông nghiệp được xây dựng mới và đã ban hành.

- Đánh giá về việc xây dựng, phê duyệt danh mục nghề nông nghiệp đào tạo, định mức chi phí đào tạo nghề và chất lượng chương trình, giáo trình dạy nghề (sự

phù hợp về nội dung, thời gian đào tạo so với yêu cầu của nghề đào tạo, đối tượng người học, đặc điểm vùng, miền).

i) Hoạt động phát triển đội ngũ giáo viên, người dạy nghề

- Công tác đào tạo nghiệp vụ sư phạm và kỹ năng nghề cho đội ngũ giáo viên ở các trung tâm giáo dục nghề nghiệp; tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý cho đội ngũ cán bộ quản lý ở các cơ sở giáo dục tham gia dạy nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn.

- Số người dạy nghề nông nghiệp được đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng dạy nghề năm 2017.

- Thống kê, báo cáo số lượng giáo viên, người dạy nghề (cơ hữu, thỉnh giảng) tham gia dạy nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn.

- Đánh giá về chất lượng đội ngũ giáo viên khi tham gia dạy nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn và việc huy động người dạy nghề tham gia dạy nghề cho lao động nông thôn.

(Chi tiết tại biểu 4)

k) Hoạt động điều tra, khảo sát, dự báo nhu cầu; kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện đào tạo nghề nông nghiệp

- Số cuộc điều tra, khảo sát và rà soát danh mục nghề nông nghiệp đào tạo cho lao động nông thôn; Số lao động nông thôn có nhu cầu học nghề nông nghiệp, nhu cầu sử dụng lao động sau học nghề, năng lực của các cơ sở dạy nghề; đánh giá chất lượng công tác điều tra, khảo sát và dự báo nhu cầu đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn.

- Thống kê, báo cáo số đoàn, hình thức kiểm tra, giám sát công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) thực hiện đề án năm 2017; đánh giá kết quả, hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát thực hiện Đề án; sự tham gia của các cấp ủy Đảng, chính quyền, hệ thống chính trị; những tồn tại, vướng mắc và nguyên nhân

- Kinh phí sử dụng cho hoạt động các hoạt động này ở địa phương năm.

Kinh phí thực hiện năm 2016, 2017

- Tổng kinh phí: ... triệu đồng, trong đó:

- + Kinh phí Trung ương hỗ trợ từ nguồn Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới: ... triệu đồng

- + Kinh phí địa phương: ... triệu đồng

- + Nguồn kinh phí khác: ... triệu đồng

(Chi tiết tại biểu 5)

Đánh giá chung

- Những ưu điểm

- Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

3. Kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp năm 2018

a) Xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn trong kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới hàng năm

- Mục tiêu nhiệm vụ đào tạo nghề nông nghiệp 2018, chú ý ưu tiên đào tạo ở vùng sản xuất hàng hóa tập trung, các dự án sản xuất, nông dân tham gia liên kết sản xuất với doanh nghiệp; ưu tiên các đối tượng chính sách.

- Các chỉ tiêu cụ thể cho năm 2018:

+ Số lao động học nghề nông nghiệp, số lớp.

+ Đối tượng.

b) Xây dựng các mô hình đào tạo nghề có hiệu quả cho lao động nông thôn theo từng nhóm nghề để tổ chức triển khai nhân rộng

- Số lớp mô hình.

- Số học viên.

- Ngành nghề đào tạo.

- Hình thức đào tạo.

(Ghi chú: Các địa phương xây dựng một số lớp mô hình mẫu về phương pháp tổ chức lớp học, các cơ sở vật chất cần thiết cho việc đào tạo nghề; quy trình kỹ thuật tiên tiến, công nghệ cao, phù hợp với điều kiện tự nhiên của từng địa phương, vùng miền; các kỹ năng dạy và học để rút kinh nghiệm nhân ra diện rộng).

c) Tuyên truyền, tư vấn học nghề và việc làm cho lao động nông thôn.

- Chỉ tiêu nhiệm vụ tuyên truyền.

- Hình thức tổ chức tuyên truyền.

- Kinh phí cho hoạt động tuyên truyền.

d) Phát triển chương trình, giáo trình, học liệu đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng

- Số nghề nông nghiệp đào tạo cho lao động nông thôn được rà soát, cập nhật, phê duyệt danh mục năm 2018.

- Số chương trình, học liệu dạy nghề nông nghiệp cần được chỉnh sửa, hoàn thiện, phê duyệt để thực hiện thống nhất trong địa phương năm 2018.

- Giải pháp để thực hiện.

- Kinh phí: ... triệu đồng, (chi tiết cụ thể cho các hoạt động).

đ) Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên tham gia công tác dạy nghề.

- Số người tham gia dạy nghề nông nghiệp cần được bồi dưỡng kỹ năng dạy nghề năm 2018.

- Số cán bộ thực hiện nhiệm vụ Quản lý nhà nước về dạy nghề nông nghiệp có nhu cầu bồi dưỡng nghiệp vụ năm 2018.

- Giải pháp thực hiện

- Kinh phí dự kiến: ... triệu đồng.

e) Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn.

- Kế hoạch kiểm tra:

- Cách thức tổ chức

g) Tổng kinh phí thực hiện kế hoạch

- Tổng kinh phí: ... triệu đồng, trong đó:
 - + Kinh phí Trung ương hỗ trợ từ nguồn Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới.
 - + Kinh phí địa phương.
 - + Nguồn kinh phí khác.

(Chi tiết tại biểu 5)

4. Tổ chức thực hiện

- Phạm vi, thời gian: Đánh giá công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn năm 2017; xây dựng kế hoạch năm 2018.
- Tiến độ thực hiện: Tổ chức đánh giá ở các địa phương trong tháng 12 năm 2017; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức Hội nghị toàn quốc đánh giá vào tháng 01/2018.
- Đơn vị chủ trì tổ chức thực hiện ở địa phương: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Biểu 1
KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỖ TRỢ ĐẠY NGHỀ NÔNG NGHIỆP CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN 2 NĂM 2016-2017
(Kèm theo Công văn số 10478/BNN-KTHT ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

[illegible]

Ghi chú:

Đối tượng 1: Người khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật và các văn bản hướng dẫn Luật.

Đối tượng 2: Người thuộc hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo; người thuộc hộ nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

Đối tượng 3: Người dân tộc thiểu số, người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng theo quy định của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh theo quy định tại Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg; lao động nữ bị mất việc làm, ngư dân.

Đối tượng 4: Người thuộc hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

Đối tượng 5: Người học là phụ nữ, lao động nông thôn khác không thuộc các đối tượng 1,2,3,4,5 thì chỉ được hưởng một mức hỗ trợ chi phí đào tạo cao nhất.

Đối tượng 6: Ngoài đối tượng 1,2,3,4,5,6

Biểu 2

(Kèm theo Công văn số 12478 /BNN-KTHT ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

[illegible]

Biểu 3
TỔNG HỢP CÁC MÔ HÌNH CÁ NHÂN, TỔ CHỨC ĐIỂN HÌNH TRONG ĐÀO TẠO NGHỀ NÔNG NGHIỆP
CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN CÓ HIỆU QUẢ 2 NĂM 2016-2017

(Kèm theo Công văn số 10478 /BNN-KTHT ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

STT	Tên nghề được học/ tên nghề đào tạo	Địa chỉ	Hình thức được đào tạo	Số điện thoại liên hệ	Năm thực hiện	Thu nhập bình quân đầu người/tháng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	Mô hình cá nhân điển hình						
1							
2							
....							
II	Mô hình tổ chức điển hình						
1							
2							
....							

Ghi chú: Cột 4: Đối với cá nhân, ghi tóm tắt quá trình trước khi học nghề, tham gia học nghề và làm việc sau học nghề; đối với tổ chức, ghi tóm tắt quá trình trước khi tổ chức dạy nghề, tổ chức đào tạo, giải quyết việc làm cho người lao động tham gia học nghề.

Biểu 4

KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NGHỀ NÔNG NGHIỆP 2 NĂM 2016-2017

(Kèm theo Công văn số 10478/BNN-KTHT ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

STT	Nội dung	Thực hiện năm 2016				Thực hiện năm 2017				Kế hoạch năm 2018			
		Tổng số	NS Trung ương	NS địa phương	Nguồn khác	Tổng số	NS Trung ương	NS địa phương	Nguồn khác	Tổng số	NS Trung ương	NS địa phương	Nguồn khác
1	Tuyên truyền, tư vấn học nghề và việc làm đối với LĐNT												
2	Phát triển chương trình, giáo trình học liệu và xây dựng danh mục nghề												
3	Hỗ trợ LĐNT học nghề nông nghiệp												
4	Giám sát đánh giá tình hình thực hiện Đề án												
5	Xây dựng mô hình												